

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG VÀ CÔNG  
NGHỆ VIỆT NAM**

**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt: COTECON.,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110673424

**3. Ngày thành lập:** 04/04/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số15N6 ngõ 90 Nguyễn Tuân, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0767494444

Fax:

Email: [vinacic.ctcp@gmail.com](mailto:vinacic.ctcp@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Mã ngành    |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4330        |
| 2.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>( trừ hoạt động đấu giá, các hàng hóa nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4610        |
| 3.  | Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 9524        |
| 4.  | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết: Quản lý vận hành nhà chung cư                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 6820        |
| 5.  | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết:<br>– Hoạt động kiến trúc<br>– Hoạt động đo đạc bản đồ<br>– Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước<br>– Tư vấn lập quy hoạch xây dựng<br>– Tư vấn lập dự án, quản lý dự án đầu tư xây dựng<br>– Thiết kế xây dựng công trình<br>– Thăm tra thiết kế, dự toán xây dựng<br>– Khảo sát xây dựng<br>– Giám sát thi công xây dựng công trình<br>– Tư vấn lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu; Tư vấn lựa chọn nhà thầu<br>– Tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát, tư vấn kiểm tra, kiểm định kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy | 7110(Chính) |
| 6.  | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Quản lý điều hành dự án                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 7410        |
| 7.  | Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4784        |
| 8.  | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4791        |
| 9.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 5221        |
| 10. | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 3100        |
| 11. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4101        |
| 12. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4102        |
| 13. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4211        |
| 14. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4212        |
| 15. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4221        |
| 16. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4222        |
| 17. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4229        |
| 18. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4299        |
| 19. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4759        |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

Thời gian đăng từ ngày 05/04/2024 đến ngày 05/05/2024

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 200.000

8. Cổ đông sáng lập:

| STT | Tên cổ đông         | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức                              | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|---------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | NGUYỄN<br>QUANG HUY | Số 14 ngõ 70<br>Phan Trọng Tuệ,<br>Thị trấn Văn<br>Điền, Huyện<br>Thanh Trì, Thành<br>phố Hà Nội, Việt<br>Nam   | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 60.000        | 600.000.000              | 30,000       | 0010840187<br>80                                                                                                       |            |
|     |                     |                                                                                                                 | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                                 | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                                 | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                                 | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                                 | Tổng số                            | 60.000        | 600.000.000              | 30,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                                 |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | TRẦN XUÂN<br>ANH    | 15N6 ngõ 90<br>Nguyễn Tuân,<br>Phường Thanh<br>Xuân Trung,<br>Quận Thanh<br>Xuân, Thành phố<br>Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 60.000        | 600.000.000              | 30,000       | C9138132                                                                                                               |            |
|     |                     |                                                                                                                 | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                                 | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                                 | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                                 | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                                 | Tổng số                            | 60.000        | 600.000.000              | 30,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                                 |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |                    |                                                                                                 |                           |        |             |        |                  |
|---|--------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------|-------------|--------|------------------|
| 3 | HOÀNG<br>MẠNH LINH | 4302 CT12 đô thị mới Kim Văn Kim Lũ, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 80.000 | 800.000.000 | 40,000 | 0080840000<br>89 |
|   |                    |                                                                                                 | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                    |                                                                                                 | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                    |                                                                                                 | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                    |                                                                                                 | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                    |                                                                                                 | Tổng số                   | 80.000 | 800.000.000 | 40,000 |                  |
|   |                    |                                                                                                 |                           |        |             |        |                  |

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|--------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                          |           |                                                                                                               |         |

10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: HOÀNG MẠNH LINH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 31/12/1984

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 008084000089

Ngày cấp: 23/08/2022

Nơi cấp: Cục CS quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: 4302 CT12 đô thị mới Kim Văn Kim Lũ, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 4302 CT12 đô thị mới Kim Văn Kim Lũ, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội